

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM TẠI VIETBANK

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

- Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024 số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024);
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank);
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông Vietbank phiên họp thường niên năm 2025;
- Căn cứ Quy định về tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị Vietbank;
- Căn cứ Nghị quyết số 95./2025/NQ-HĐQT ngày 26./6./2025 của Hội đồng quản trị,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là “**PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM TẠI VIETBANK**”.
- Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26./6./2025.
- Điều 3. Các Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị, các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Giám đốc các Khối, Trung tâm, Phòng, Ban nghiệp vụ, Văn phòng tại Hội sở; Giám đốc các Khu vực, các Trung tâm kinh doanh và toàn thể cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: 8

- Như Điều 3 “để thực hiện”;

Sao kính gửi:

- Cổ đông (để báo cáo - đăng trên website);

- BKS “để báo cáo”

Lưu Văn thư, VP HĐQT



DƯƠNG NHẤT NGUYỄN



PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN
TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP
SỚM TẠI VIETBANK

Mã số: 108../2025/QĐ-HĐQT
Ngày BH: 26../6../2025
Ngày HL: 26../6../2025
Lần BH/Lần HC: 01/00

PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN TRONG
TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN
(VIETBANK)



Handwritten signature

MỤC LỤC

PHẦN I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
I. MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG	2
II. HIỆU LỰC THI HÀNH	2
III. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT	2
PHẦN 2. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT	3
CHƯƠNG I. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA VIETBANK	3
I. CÁC THÔNG TIN CHUNG VỀ VIETBANK.....	3
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
CHƯƠNG II. CÁC TRƯỜNG HỢP NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM THỰC HIỆN CAN THIỆP SỚM	15
CHƯƠNG III. CÁC BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI NHẪM KHẮC PHỤC TỪNG TRƯỜNG HỢP CAN THIỆP SỚM	17
I. Số lỗi lũy kế lớn hơn 15% giá trị của Vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu.....	17
II. Nhóm biện pháp nhằm cải thiện khả năng thanh khoản:	17
III. Nhóm biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh:	18
IV. Nhóm biện pháp tăng cường quản trị rủi ro; nâng cao năng lực quản trị, điều hành:	19
V. Nhóm biện pháp xử lý các tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản đảm bảo và các biện pháp khắc phục vi phạm pháp luật.	19
VI. Biện pháp truyền thông, công nghệ thông tin để khắc phục khó khăn về thanh khoản:	21
VII. Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trong thời gian 06 tháng liên tục	22
CHƯƠNG IV. LỘ TRÌNH, THỜI HẠN THỰC HIỆN TỪNG BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC.....	23

PHẦN I.
QUY ĐỊNH CHUNG

I. MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG

1. Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Vietbank (ĐHĐCĐ) về việc thông qua Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm tại Vietbank (sau đây gọi chung là "**Phương án khắc phục**"). Vietbank ban hành Phương án khắc phục nhằm đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ.
2. Phương án khắc phục được ban hành giúp xây dựng và xác định được các biện pháp cần triển khai, thực hiện và cách thức áp dụng linh hoạt các biện pháp này trong các điều kiện phù hợp cụ thể của Vietbank để kịp thời xử lý, giải quyết đối với các tình huống phát sinh khác nhau khi xảy ra việc can thiệp sớm đối với Vietbank.
3. Vietbank cam kết đã, đang và sẽ tích cực, chủ động triển khai một cách bài bản các kế hoạch, chiến lược hành động nhằm đảm bảo an toàn hoạt động và tối ưu hiệu quả kinh doanh.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH

Phương án khắc phục có hiệu lực thi hành kể từ ngày Vietbank nhận được văn bản/quyết định được can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

III. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT

A. Giải thích từ ngữ

1. **Can thiệp sớm:** Là việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) áp dụng các yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó thực hiện phương án khắc phục dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước nhằm khắc phục tình trạng theo quy định tại khoản 1 Điều 156 của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024.
2. **Rút tiền hàng loạt:** Là việc tổ chức tín dụng bị nhiều người gửi tiền cùng rút tiền dẫn đến tổ chức tín dụng có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất khả năng chi trả theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

B. Chữ viết tắt

1. **NHNN:** Là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
2. **Ngân hàng/Vietbank:** Là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
3. **ĐHĐCĐ:** Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
4. **HĐQT:** Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
5. **BKS:** Ban Kiểm soát.
6. **TCTD:** Tổ chức tín dụng.



PHẦN 2.
PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

CHƯƠNG I.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA VIETBANK

I. CÁC THÔNG TIN CHUNG VỀ VIETBANK

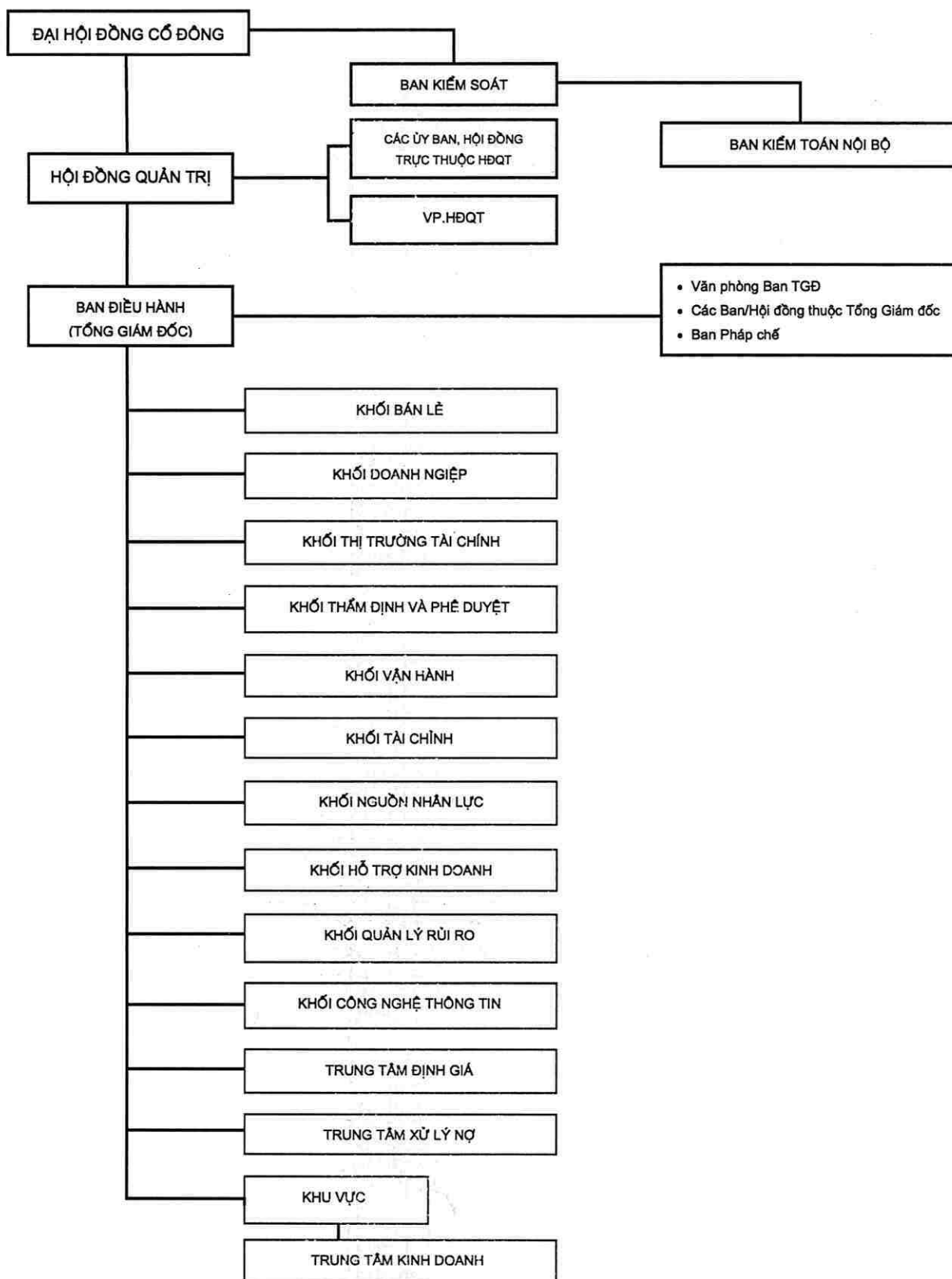
1. Thông tin về cơ cấu tổ chức và hoạt động:

a. Thông tin thành lập và hoạt động của Vietbank:

Tên đăng ký Tiếng Việt:	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thương Tín
Tên đăng ký Tiếng Anh:	Viet Nam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
Tên Giao dịch:	Vietbank
Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng:	Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 24/02/2023, Quyết định số 2758/QĐ-NHNN ngày 25/12/2024 v/v sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN của Vietbank.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Số 2200269805 do Sở KH&ĐT tỉnh Sóc Trăng Đăng cấp lần đầu vào ngày 12/01/2007, sửa đổi lần thứ 28 vào ngày 28/08/2023.
Điện thoại:	(0299) 3621454.
Fax:	(0299) 3621858.
Trang thông tin điện tử:	https://www.vietbank.com.vn .
Vốn điều lệ:	7.139.413.290.000 đồng.
Địa chỉ trụ sở chính:	47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

b. Mô hình tổ chức

Thực hiện theo quy định Luật các TCTD 2024, Vietbank được thành lập dưới hình thức Công ty cổ phần với bộ máy tổ chức bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, các đơn vị nghiệp vụ tại Hội sở, Chi nhánh/Phòng giao dịch và Công ty con.



i. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2025:

Chức vụ và nhiệm kỳ	Ngày bổ nhiệm	Ngày NHNN chấp thuận
Chủ tịch HĐQT	26/4/2021	23/4/2021 Theo văn bản số 2737/NHNN- TTGSNH
01 Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT độc lập	26/4/2021	23/4/2021 Theo văn bản số 2737/NHNN- TTGSNH
03 Thành viên HĐQT	26/4/2021	23/4/2021 Theo văn bản số 2737/NHNN- TTGSNH

- Hội đồng quản trị của Vietbank bao gồm các thành viên có hiểu biết sâu về lĩnh vực ngân hàng, sở hữu những năng lực cốt lõi, kỹ năng và kinh nghiệm đa dạng liên quan đến các mảng chính của lĩnh vực ngân hàng để quản trị Ngân hàng một cách hiệu quả.
- Vai trò của Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc được tách bạch, thể hiện sự độc lập và phân chia trách nhiệm rõ ràng giữa HĐQT và Ban Điều hành nhằm đảm bảo sự phân quyền trong việc ra quyết định và nâng cao tính độc lập trong hoạt động của HĐQT.
- HĐQT Vietbank đã thành lập các Hội đồng, Ủy ban, Ban chỉ đạo, Văn phòng HĐQT để tham mưu, giúp việc cho HĐQT, bao gồm Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng xử lý rủi ro, Ban chỉ đạo Phòng, chống tham nhũng, tội phạm.

ii. Ban kiểm soát:

Chức vụ và nhiệm kỳ	Ngày bổ nhiệm	Ngày NHNN chấp thuận
01 Trưởng Ban kiểm soát	26/4/2021	23/4/2021 Theo văn bản số 2737/NHNN- TTGSNH
02 Thành viên chuyên trách	26/4/2021	23/4/2021 Theo văn bản số 2737/NHNN- TTGSNH

BKS của Vietbank do Đại Hội đồng cổ đông bầu, hoạt động độc lập với HĐQT, Ban Điều hành; đảm bảo chức năng và thành phần theo quy định pháp luật hiện hành.

- **Nguyên tắc hoạt động, phối hợp giữa BKS với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành:**
 - BKS hoạt động theo nguyên tắc độc lập, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ khi làm việc với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành trong công tác quản trị, điều hành hoạt động Ngân hàng nhằm ngăn ngừa, phát hiện và xử lý dứt điểm các tồn tại trong hoạt động, góp phần nâng cao năng lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, hoàn thiện các quy định, quy trình, sản phẩm, quản trị rủi ro trong kinh doanh và nâng cao năng lực quản trị điều hành của hệ thống.
 - Hội đồng quản trị, Ban Điều hành phối hợp với Ban Kiểm toán nội bộ thuộc Ban Kiểm soát khi kiểm toán nội bộ về giám sát cấp cao đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, tiếp nhận

và chủ động tổ chức, chỉ đạo chấn chỉnh kịp thời và khắc phục các tồn tại theo kiến nghị của BKS, đồng thời tạo điều kiện để BKS thực hiện nhiệm vụ.

iii. Ban điều hành:

- Ban điều hành gồm Tổng giám đốc và 05 Phó tổng giám đốc, trong đó 01 Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng.
- Người đại diện theo pháp luật của Vietbank là Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc hoàn toàn đáp ứng quy định của NHNN, Ban Tổng giám đốc gồm có 6 thành viên (bao gồm 1 Tổng giám đốc và 1 Phó Tổng giám đốc), được phân chia nhiệm vụ phụ trách các Hội đồng chuyên trách, Khối Nghiệp vụ Hội sở, Khu vực, Công ty Con. Trong đó:
 - Tổng giám đốc đã thành lập các Hội đồng chuyên trách, bao gồm Hội đồng Quản lý vốn; Hội đồng ALCO; Hội đồng rủi ro.
 - Khối Nghiệp vụ Hội sở: Thực hiện vai trò tham mưu chính cho Ban Tổng giám đốc điều hành trong quá trình hoạt động.
 - Các Chi nhánh/ Phòng giao dịch được chia theo 6 Khu vực.
 - Công ty Con: Công ty TNHH Quản lý và khai thác tài sản - Vietbank AMC

2. Địa điểm và mạng lưới hoạt động:

Tại thời điểm ngày 31/12/2024, Vietbank có 132 điểm giao dịch, trong đó bao gồm 30 Chi nhánh và 102 Phòng giao dịch hiện diện tại 26/63 tỉnh, thành phố trên cả nước.

3. Quản trị điều hành:

- Cơ cấu tổ chức quản trị điều hành tuân thủ theo quy định của Pháp luật. Trong đó Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành làm việc với tinh thần trách nhiệm cao đề ra đường lối, chiến lược hoạt động rõ ràng và hiệu quả.
- Các cấp quản trị điều hành phía dưới hoạt động hiệu quả và phối hợp chặt chẽ giúp cải thiện tình hình kinh doanh cơ cấu tài chính của Vietbank. Đồng thời, luôn tuân thủ quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước đảm bảo các trạng thái an toàn của Vietbank luôn nằm trong giới hạn theo quy định.
- Hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro của Vietbank đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Tuân thủ các quy định về quản trị:

- Vietbank giữ vững việc tuân thủ thực hiện theo các quy định, hướng dẫn về quản trị công ty của các cơ quan quản lý Nhà nước:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán,
- Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024 quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/07/2024 quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái;
- Căn cứ các quy định pháp luật nêu trên, Vietbank đã xây dựng, thiết lập một nền tảng quản trị điều hành vững mạnh:
 - Vietbank đã cập nhật, sửa đổi, bổ sung các văn bản nội bộ làm cơ sở cho hoạt động Quản trị - Điều hành như: Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.
 - Trong cơ cấu Quản trị - Điều hành của Vietbank, các Ủy ban và Hội đồng ở cả cấp quản trị và cấp Điều hành tiếp tục thực hiện tốt vai trò trách nhiệm được quy định, giúp HĐQT cũng Ban Điều hành trong việc giám sát, điều hành Ngân hàng hoạt động hàng ngày và tham mưu những vấn đề quan trọng và dài hạn của tổ chức. Cơ chế hoạt động của các Ủy ban và Hội đồng ngày càng phù hợp hơn với nội tại và sự chuyển đổi của Ngân hàng, điều này đã giúp các cấp lãnh đạo Ngân hàng tăng cường tính hiệu quả trong cơ chế ra quyết định và thận trọng xem xét, rà soát các yếu tố rủi ro trong quá trình hoạt động và kinh doanh.



- Vietbank đã triển khai thực hiện các công việc cụ thể nhằm thiết lập cơ chế phân cấp, ủy quyền minh bạch, rõ ràng để xác định trách nhiệm và tránh xung đột lợi ích. Theo Điều 7 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín, Vietbank quy định chi tiết về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị. Cũng tại Điều 14 Quy chế này, Vietbank quy định chi tiết về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát. Tại Điều 18, Vietbank quy định chi tiết về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc. Thẩm quyền phê duyệt căn cứ theo cơ cấu quản trị của Vietbank, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và đầy đủ theo hệ thống phân cấp của Ngân hàng: (i) HĐQT quy định về thẩm quyền đối với các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT, thẩm quyền của Tổng giám đốc; (ii) Tổng giám đốc quy định về thẩm quyền đối với các Hội đồng trực thuộc Ban Điều hành, các chức danh từ Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Khối và các chức danh tương đương trở xuống.
- Vietbank tiếp tục củng cố nền tảng quản trị điều hành, ngày càng tiệm cận các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp quốc tế. Đồng thời, Vietbank chủ động thực thi các quyết sách của Chính phủ và NHNN về chuyển đổi số.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Vietbank đánh giá về tình hình hoạt động kinh doanh dựa trên các chỉ tiêu sau:

1. Chiến lược và mô hình kinh doanh:

- Vietbank tiếp tục hoạt động theo hướng an toàn bền vững và đảm bảo các chỉ số an toàn theo quy định.
- Tiếp tục hoàn thiện tái cấu trúc tổ chức, mô hình kinh doanh, cấu trúc danh mục huy động và cho vay theo định hướng bán lẻ, quản lý chi phí chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng.
- Vietbank chú trọng phát triển và mở rộng hệ sinh thái ngân hàng số, cải thiện và nâng cao các chỉ số tài chính.
- Vietbank tập trung tăng vốn, tăng trưởng kinh doanh theo lộ trình Đề án Cơ cấu lại.
- Vietbank tăng cường kiểm soát chất lượng tài sản và khả năng sinh lời của bảng cân đối; đẩy mạnh công tác xử lý và thu hồi nợ; Cải tiến và nâng cao chất lượng các quy trình vận hành, quy trình hỗ trợ kinh doanh.
- Tăng cường kiểm soát rủi ro, an ninh mạng trong hoạt động kinh doanh, quản trị, đảm bảo thực hiện bám sát theo quy định Basel II; Phát triển đội ngũ quản lý và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định chỉ đạo của NHNN về các giải pháp chính sách tiền tệ, tín dụng, ngoại hối.

- Mô hình kinh doanh:

- Ngân hàng triển khai mô hình bán lẻ đa kênh tích hợp, kết hợp giữa các kênh truyền thống (chi nhánh/Phòng giao dịch (TTKD)) và kênh số (App Digital,...). Mô hình này gắn liền với khẩu vị rủi ro được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo:
 - Tối ưu hóa khả năng sinh lời.
 - Kiểm soát tốt rủi ro và chất lượng tín dụng.
 - Duy trì các chỉ số an toàn vốn, thanh khoản và giới hạn theo quy định.
- Đặc biệt, từ năm 2025, ngân hàng áp dụng Mô hình Quản lý Kinh doanh và Dịch vụ Khách hàng theo ngành dọc, cụ thể như sau:
 - Cơ cấu điều hành theo ngành dọc từ Hội sở đến TTKD, với sự phân quyền rõ ràng cho từng Khối chuyên trách (Khối Bán lẻ, Khối Doanh nghiệp, Khối Vận hành...).
 - TTKD không còn giữ vai trò điều hành tổng hợp mà trở thành đơn vị triển khai, cung cấp nguồn lực phục vụ bán hàng và chăm sóc khách hàng theo từng Khối nghiệp vụ.
 - Các vị trí bán hàng như RBO, SRBO... được đánh giá hiệu quả theo chỉ tiêu riêng biệt do Khối phụ trách ban hành và giám sát, đảm bảo đúng người – đúng việc – đúng trách nhiệm.
 - Các Đơn vị tại Hội sở đóng vai trò trung tâm điều phối, giám sát tiến độ, chất lượng triển khai và báo cáo kết quả cho Ban Lãnh đạo.
- Lợi ích từ mô hình:
 - Tăng cường chuyên môn hóa, nâng cao năng lực bán hàng, chăm sóc khách hàng và quản trị rủi ro theo từng phân khúc;
 - Đảm bảo tính minh bạch, đo lường rõ ràng hiệu quả từng vị trí thông qua hệ thống KPIs và lương thưởng theo ngành dọc;
 - Rút ngắn thời gian phối hợp, tối ưu hiệu suất vận hành và ra quyết định linh hoạt hơn giữa các cấp quản lý.


2. Tình hình tài chính:

a. Báo cáo tình hình tài chính và một số chỉ số tài chính chủ yếu đến ngày 31/12/2024:

Đvt: Tỷ đồng, %, TTKD

Chỉ tiêu	31/12/2024	So với 2023		
		31/12/2023	(+/-)	% (+/-)
Vốn điều lệ	7.139	4.777	2.363	49,5%
Tổng tài sản	162.855	138.258	24.597	17,8%

Đây là văn bản nội bộ, là tài sản của Vietbank. Mọi hành vi sao chép nếu không được cho phép là vi phạm quy định bảo mật và bản quyền của Vietbank.

 VIETBANK <small>NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN</small>	PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM TẠI VIETBANK
--	---

Tổng nguồn vốn huy động	112.520	101.547	10.973	10,8%
Dư nợ cấp tín dụng	93.637	80.754	12.883	16%
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1,86%	1,79%	0,07%	
Lợi nhuận trước thuế	1.131	812	319	39,3%
Mạng lưới (TTKD)	132	118	14	11,9%

Ghi chú: Số liệu theo BCTC Hợp nhất 31/12/2024 sau kiểm toán

b. Về tổng tài sản:

- Kết thúc năm tài chính 2024, Tổng tài sản của Vietbank đạt 162.855 tỷ đồng, tăng trưởng 17,8% (mức tăng 24.597 tỷ đồng). Trong đó, tổng dư nợ cấp tín dụng chiếm 57,5% tổng tài sản. Cấu trúc danh mục tài sản tiếp tục được cơ cấu theo hướng gia tăng tỷ trọng tài sản có sinh lời và luôn duy trì ở mức 96%-97%.

c. Về vốn:

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	31/12/2024	So với 2023		
		31/12/2023	(+/-)	% (+/-)
Vốn chủ sở hữu	8.700	6.896	1.805	26,2%
Vốn điều lệ	7.139	4.777	2.363	49,5%
Giá trị thực vốn điều lệ	8.024	6.400	1.624	25,4%
Vốn tự có	13.599	10.777	2.823	26,2%

- Vốn điều lệ của Vietbank đã **tăng trưởng ấn tượng gần 50%** trong năm 2024 (từ 4.777 tỷ đồng lên 7.139 tỷ đồng) đã đánh dấu bước tiến quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững. Việc kết hợp giữa phát hành cổ phiếu, cổ đông góp vốn và sử dụng nguồn vốn từ lợi nhuận giữ lại để tăng vốn điều lệ là một quyết định chiến lược hợp lý giúp Vietbank nâng cao tiềm lực tài chính, khả năng cạnh tranh trên thị trường, mở rộng quy mô và đem lại giá trị bền vững cho cổ đông.
- Bên cạnh đó, Vốn chủ sở hữu, Vốn tự có và Giá trị thực vốn điều lệ đều tăng trên 26% với năm trước giúp Vietbank nâng cao tiềm lực tài chính, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

d. Về huy động vốn:

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	31/12/2024	So với 2023		
		31/12/2023	(+/-)	% (+/-)
Huy động vốn gồm phát hành GTCG	112.520	101.547	10.973	10,8%
1. Tiền gửi khách hàng	94.841	89.996	4.846	5,4%
Dân cư	87.084	79.201	7.883	10,0%
Tổ chức kinh tế	7.757	10.794	-3.037	-28,1%

Đây là văn bản nội bộ, là tài sản của Vietbank. Mọi hành vi sao chép nếu không được cho phép là vi phạm quy định bảo mật và bản quyền của Vietbank.



Chỉ tiêu	31/12/2024	So với 2023		
		31/12/2023	(+/-)	% (+/-)
2. Phát hành GTCG	17.678	11.551	6.127	53,0%

- Hoạt động huy động vốn đạt **112.520 tỷ đồng, tăng 10,8%** so với năm 2023 (tương đương tăng 10.973 tỷ đồng). Cơ cấu nguồn vốn luôn được đa dạng hóa, đảm bảo tính ổn định và phát triển trong việc thu hút nguồn vốn, an toàn thanh khoản và phát triển bền vững, góp phần cải thiện chi phí vốn ở mức hợp lý theo xu hướng thị trường và hỗ trợ tăng trưởng tín dụng.
- Phát hành GTCG chiếm 16% tổng huy động vốn, tỷ trọng tăng thêm 5% so với năm trước (tỷ trọng chiếm 11%) phản ánh sự tin tưởng từ khách hàng và chiến lược huy động đạt hiệu quả tốt.

e. Về cấp tín dụng:

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	31/12/2024	So với 2023		
		31/12/2023	(+/-)	% (+/-)
Cho vay khách hàng	93.637	80.754	12,883	16,0%
Trái phiếu doanh nghiệp	0	0	0	0,0%
Trái phiếu chính phủ, TCTD và khác	22.758	17.517	5.241	29,9%
Tiền, vàng gửi tại các TCTD và cho vay TCTD khác	35.921	26.548	9.374	35,3%

- Tổng dư nợ cấp tín dụng đạt **93.637 tỷ đồng**, so với năm 2023 **tăng 12.883 tỷ đồng** (tương đương tăng 16,0%) là một chỉ số tích cực, cho thấy Vietbank đã mở rộng hoạt động cho vay, đáp ứng tốt nhu cầu tín dụng trong nền kinh tế. Mức tăng trưởng tín dụng được kiểm soát trong biên độ cho phép của NHNN. Công tác cảnh báo rủi ro, thẩm định được nâng cao, quản lý và giám sát chặt chẽ mục đích sử dụng vốn vay và kiểm soát chất lượng tài sản được ưu tiên hàng đầu trong hoạt động của ngân hàng.
- Vì vậy, chất lượng tín dụng của Vietbank trong năm 2024 cải thiện đáng kể, đảm bảo nợ xấu luôn duy trì dưới mức 2,5% và trong tầm kiểm soát (tỷ lệ nợ xấu tại ngày 31/12/2024 của Vietbank theo Thông tư 31 của NHNN là 1,80%).


f. Về hoạt động đầu tư góp vốn:

- Vietbank chỉ có duy nhất một công ty con thực hiện chức năng quản lý nợ và khai thác tài sản (Vietbank AMC). Vốn điều lệ của công ty Vietbank AMC là 5 tỷ đồng không đổi trong các năm qua. Nghiệp vụ chính của công ty Vietbank AMC là xử lý và thu hồi nợ giúp cho Ngân hàng mẹ Vietbank.

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	31/12/2024	So với 2023		
		31/12/2023	(+/-)	% (+/-)

Đây là văn bản nội bộ, là tài sản của Vietbank. Mọi hành vi sao chép nếu không được cho phép là vi phạm quy định bảo mật và bản quyền của Vietbank.

 VIETBANK <small>NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN</small>	PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM TẠI VIETBANK
--	---

Chỉ tiêu	31/12/2024	So với 2023		
		31/12/2023	(+/-)	% (+/-)
Tổng tài sản	4,71	5,10	-0,39	-7,7%
Vốn chủ sở hữu	4,05	4,01	0,03	0,8%
Lợi nhuận trước thuế	0,03	3,90	-3,87	-99,2%

g. Về tài sản có khác:

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	31/12/2024	So với 2023		
		31/12/2023	(+/-)	% (+/-)
Các khoản phải thu	618	569	48	8,5%
Các khoản lãi, phí phải thu	2.561	2.708	-147	-5,4%
Tài sản có khác	157	178	-21	-11,6%
Các khoản DPRR cho các TSC có khác	-14	-11	-3	23,1%

- Lãi và phí phải thu của Vietbank tại thời điểm 31/12/2024 là 2.561 tỷ đồng; giảm 147,0 tỷ đồng (-5,4%) so với 31/12/2023, chủ yếu bao gồm:
 - Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư tại thời điểm 31/12/2024 là 346 tỷ đồng, tăng 6,5 tỷ đồng (1,9%) so với 31/12/2023.
 - Lãi phải thu từ cho vay tại thời điểm 31/12/2024 là 1.962 tỷ đồng, giảm 303 tỷ đồng (-13,4%) so với 31/12/2023.
- h. Về chất lượng tài sản:** Đánh giá toàn diện chất lượng tài sản, tình hình xử lý nợ xấu và khả năng thu hồi, trích lập dự phòng....

3. Kết quả hoạt động kinh doanh:

a. Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng đến ngày 31/12/2024:

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	31/12/2024	So với 2023		
		31/12/2023	(+/-)	% (+/-)
1. Tổng thu nhập hoạt động	3.501	2.397	1.105	46,1%
- Thu nhập lãi thuần	2.812	2.000	812	40,6%
- Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	137	103	33,4	32,3%
- Lãi/lỗ thuần từ HĐKD ngoại hối	80,2	65,3	14,9	22,9%
- Lãi/lỗ thuần từ MBCK đầu tư	19,0	77,6	-58,6	-75,5%
- Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	454	151	303	201%
2. Chi phí hoạt động	1.565	1.470	95,5	6,5%
3. Chi phí dự phòng	805	115	690	599%

Đây là văn bản nội bộ, là tài sản của Vietbank. Mọi hành vi sao chép nếu không được cho phép là vi phạm quy định bảo mật và bản quyền của Vietbank.

Chỉ tiêu	31/12/2024	So với 2023		
		31/12/2023	(+/-)	% (+/-)
4. Lợi nhuận trước thuế (=1-2-3)	1.131	812	319	39,3%

Ghi chú: Số liệu theo BCTC Hợp nhất 31/12/2024 sau kiểm toán

b. Phân tích hiệu quả kinh doanh Ngân hàng:

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2024 đạt 1.131 tỷ đồng (tăng 39,3%) so với năm 2023.
- Tổng thu nhập hoạt động (TNHD) thuần đạt 3.501 tỷ đồng, tăng 1.105 tỷ đồng (46,1%) so với năm 2023. Trong đó:
 - Thu nhập thuần từ lãi đạt 2.812 tỷ đồng, chiếm 80,3% tổng TNHD thuần, tăng 812 tỷ đồng (40,6%) so với năm 2023 do Vietbank đẩy mạnh kinh doanh, công tác thu hồi các khoản nợ quá hạn, các khoản nợ cơ cấu theo Thông tư số 01, Thông tư số 02 của NHNN và cải thiện nâng cao hệ số sinh lời NIM.
 - Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ là 137 tỷ đồng, tăng 33,4 tỷ đồng (32,3%) do nguồn thu nhập phí Thanh toán quốc tế tăng khoảng 19 tỷ đồng (130%) và nguồn thu nhập từ dịch vụ Thẻ/POS/NHS tăng khoảng 26 tỷ đồng (32%). Tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ thuần của Vietbank năm 2024 là 3,9% so với tổng TNHD thuần giảm 0,4% so với năm 2023 do tốc độ tăng trưởng thu nhập dịch vụ thuần (32,3%) chậm hơn tốc độ tăng trưởng tổng TNHD thuần (46,1%). Vietbank sẽ chú trọng phát triển hệ khách hàng truyền thống theo định hướng bán lẻ, không ngừng đa dạng hóa và hoàn thiện sản phẩm dịch vụ hiện có; đơn giản hóa các quy trình cung cấp dịch vụ, tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ; số hóa các sản phẩm dịch vụ phi tín dụng hiện có dựa trên nền tảng ứng dụng công nghệ tài chính; không ngừng phát triển một số ứng dụng thanh toán hiện đại liên quan đến dịch vụ thẻ, ngân hàng điện tử,... mở rộng hợp tác liên kết với các TCTD, tổ chức kinh tế và người dân để bán chéo sản phẩm, dịch vụ.
 - Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối 80,2 tỷ đồng, tăng 14,9 tỷ đồng (22,9%) so với năm 2023 do Vietbank nắm bắt được cơ hội kinh doanh khi tỷ giá biến động.
 - Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư là 19,0 tỷ đồng, giảm 58,6 tỷ đồng (-75,5%) so với năm 2023 do diễn biến lãi suất trên thị trường không thuận lợi nên ngân hàng thực hiện giữ ổn định danh mục trong thời gian còn lại của năm.
 - Lãi thuần từ hoạt động khác đạt 454 tỷ (tăng 201%) so với năm 2023 do tăng thu nhập từ hoạt động xử lý nợ.
- Chi phí hoạt động năm 2024 đạt 1.565 tỷ đồng (tăng 6,5%) so với năm 2023 do trong năm 2024 Vietbank đầu tư mở rộng mạng lưới thêm 14 đơn vị kinh doanh.



- Chi phí dự phòng RRTD năm 2024 tăng mạnh (tăng 599%) so năm 2023. Chi phí dự phòng RRTD tăng là tăng dự phòng chung khi dư nợ cấp tín dụng tăng trưởng 16% so năm 2023, đồng thời Vietbank tăng cường trích dự phòng đảm bảo tỷ lệ bao phủ nợ.
- Các khoản mục có thể làm giảm lợi nhuận của Vietbank như lãi dự thu phải thoãi nhưng chưa thoãi, dự phòng rủi ro phải trích nhưng chưa trích do chưa hết thời hạn phải thực hiện theo kiến nghị Kết luận thanh tra kiểm tra, kết luận kiểm toán và các khoản khác (nếu có): Vietbank không phát sinh.

4. Tình hình thanh khoản và việc chấp hành các giới hạn, tỷ lệ an toàn hoạt động:

Vietbank đo lường, giám sát tình hình thực hiện các chỉ số thanh khoản và kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản, tính toán tác động của các giả định đảm bảo đánh giá được khả năng thực hiện các nghĩa vụ, cam kết và tuân thủ các hạn mức rủi ro thanh khoản. Đánh giá các rủi ro tiềm ẩn về thanh khoản và tình hình chấp hành các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định tại Luật Các TCTD và các Thông tư ban hành có hiệu lực tại thời điểm đánh giá.

Về tình hình chấp hành các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn tín dụng theo quy định Luật các TCTD, và các Thông tư có hiệu lực: Vietbank thực hiện giám sát việc tuân thủ các giới hạn, chỉ số theo quý định của NHNN, thực hiện cảnh báo sớm các trường hợp gần chạm giới hạn đến các Đơn vị có liên quan để các Đơn vị này có giải pháp kiểm soát nhằm tuân thủ giới hạn của NHNN.

Tình hình thực hiện một số giới hạn tại 31/12/2024 như sau:

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024	Giới hạn	Tuân thủ
1	Đối tượng không được cấp tín dụng theo Điều 134 Luật các TCTD đã sửa đổi, bổ sung (không bao gồm thẻ tín dụng)	0,86%	0	Chiếm 0,86% vốn tự có, tuân thủ. (Khoản vay phát sinh trước ngày 01/07/2024 nên tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng, giao dịch, thỏa thuận được ký kết trước ngày Luật 32/2024/QH15 có hiệu lực thi hành).
2	Đối tượng hạn chế cấp tín dụng theo Điều 135 Luật các TCTD đã sửa đổi, bổ sung	1,19%	5% VTC	Tuân thủ
3	Giới hạn cấp tín dụng đối với 1 khách hàng theo Điều 136 Luật các TCTD	12,86%	14% VTC	Tuân thủ
4	Giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng và người có liên quan theo Điều 136 Luật các TCTD	17,44%	23% VTC	Tuân thủ
5	Cấp tín dụng vượt giới hạn	Không phát sinh		

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024	Giới hạn	Tuân thủ
6	Tỷ lệ cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu trên vốn điều lệ	1,12%	5% VDL	Tuân thủ
7	Tỷ lệ cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp trên vốn điều lệ	0	5% VDL	Tuân thủ

5. Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh hiện nay:

- Trong những năm qua, Vietbank luôn bám sát định hướng "Hoạt động an toàn, kinh doanh hiệu quả và phát triển bền vững", nhờ đó đến ngày 31/12/2024 hoạt động kinh doanh của Vietbank đã đạt được những thành công ở nhiều khía cạnh như quy mô Tổng tài sản được mở rộng, nợ xấu được kiểm soát và hiệu quả hoạt động cải thiện liên tục trong những năm gần đây. Cụ thể:
- Tổng tài sản đạt **162.855 tỷ đồng**, tăng trưởng bình quân **16,4%/năm trong 3 năm gần đây**.
- Quy mô tổng huy động vốn (gồm phát hành GTCG) đạt **112.520 tỷ đồng**, tăng trưởng bình quân **14,8% trong 3 năm gần đây**. Dư nợ cho vay đạt **93.637 tỷ đồng** bình quân trong 3 năm qua **tăng 18,2%/năm**. Cơ cấu nguồn vốn sử dụng vốn đảm bảo an toàn thanh khoản và gia tăng hiệu quả kinh doanh.
- Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức dưới 2.5%. (Năm 2021:1,80%, Năm 2023:1,79%, Năm 2022:2,47%).
- Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt **1.131 tỷ đồng (vượt mốc trên 1.000 tỷ đồng)**, tăng trưởng mức cao trong **3 năm gần đây** bình quân là **21,2%/năm**.
- Hiệu quả hoạt động cải thiện liên tục, tài sản có sinh lời từ 96,3% (năm 2023) tăng lên **97,3% (năm 2024)**; năng suất và các tỷ suất sinh lời cải thiện mạnh mẽ với ROE tăng từ 9,83% (năm 2023) lên **11,55% (năm 2024)**, ROA từ 0,52% (năm 2023) lên **0,60% (năm 2024)**.
- Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất đạt **11,73%** tốt hơn đáng kể so với quy định tối thiểu 8% của NHNN.
- Các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động nói chung và các tỷ lệ an toàn thanh khoản nói riêng luôn được tuân thủ đúng quy định theo Luật TCTD, Thông tư 22 và Thông tư 41 của NHNN. Hiện Tỷ lệ dự trữ thanh khoản đạt mức **17,10%** (quy định NHNN $\geq 10\%$) và Tỷ lệ khả năng chi trả trong vòng 30 ngày (VND) đạt mức **107%** (quy định NHNN $\geq 50\%$).

CHƯƠNG II.

CÁC TRƯỜNG HỢP NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM THỰC HIỆN CAN THIỆP SỚM

NHNN xem xét, quyết định thực hiện can thiệp sớm khi Vietbank thuộc một hoặc một số trường hợp sau:

Đây là văn bản nội bộ, là tài sản của Vietbank. Mọi hành vi sao chép nếu không được cho phép là vi phạm quy định bảo mật và bản quyền của Vietbank.

1. **Số lỗ lũy kế lớn hơn 15% giá trị của Vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu:**

Xem xét nguyên nhân ảnh hưởng từ việc quản lý chi phí hay rủi ro tín dụng, hoặc đầu tư kém hiệu quả. Việc không duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu có thể do việc huy động vốn yếu, hoặc sự phân bổ tài sản không hợp lý, làm giảm khả năng đối phó với các rủi ro tài chính.....

2. **Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:**

Ngân hàng xếp dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi kết quả xếp hạng của Ngân hàng loại D hoặc E, tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 2,5 theo quy định của Thông tư 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư 23/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp này xảy ra khi Ngân hàng có phát sinh một hay nhiều nguyên nhân đã ảnh hưởng đến việc kiểm soát chất lượng Vốn (C), Chất lượng tài sản (A), Quản trị điều hành (M), Kết quả hoạt động kinh doanh (E), Khả năng thanh khoản (L), hay Mức độ nhạy cảm rủi ro thị trường (S).

3. **Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 30 ngày liên tục:**

Xem xét nguyên nhân phát sinh từ việc duy trì danh mục tài sản có thanh khoản cao quá mỏng hoặc tình trạng thiếu hụt thanh khoản, đặc biệt khi có sự mất niềm tin từ khách hàng hoặc có sự rút tiền ồ ạt hay việc quản lý nợ - tài sản không hiệu quả, việc tiếp cận nguồn vốn ngắn hạn trên thị trường liên ngân hàng gặp khó khăn hoặc tiếp cận nguồn vốn trung, dài hạn bị hạn chế bởi chi phí vốn không hợp lý.

4. **Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trong thời gian 06 tháng liên tục:**

Xem xét nguyên nhân ảnh hưởng có thể xuất phát từ việc ngân hàng không duy trì mức vốn tự có cần thiết hoặc vốn tự có suy giảm do hoạt động đầu tư kinh doanh không hiệu để đối phó với các rủi ro tiềm ẩn tăng ví dụ như việc tăng trưởng tín dụng quá nhanh, tập trung tài sản có hệ số rủi ro cao dẫn tới tình trạng Ngân hàng không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn trên mức tối thiểu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong thời gian 06 tháng liên tục.

5. **Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi NHNN:**

Thường xuyên theo dõi nguồn vốn và phản ứng nhanh khi có dấu hiệu rút tiền hàng loạt, xem xét nguyên nhân ảnh hưởng từ nội bộ hay khách quan thị trường như có/không có thông tin tiêu cực trên thị trường ảnh hưởng đến thương hiệu Vietbank, bao gồm nhưng không hạn chế các thông tin về

tình hình tài chính của Vietbank (như nợ xấu tăng cao, lỗ lũy kế....), hoặc do các vấn đề quản trị rủi ro và thanh khoản.

CHƯƠNG III.

CÁC BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI NHẪM KHẮC PHỤC TỪNG TRƯỜNG HỢP CAN THIỆP SỚM

Các biện pháp triển khai được phân loại theo nhóm. Tùy từng trường hợp, NHNN thực hiện can thiệp sớm, Vietbank sẽ triển khai cụ thể các nhóm biện pháp theo các kịch bản như sau:

- I. Số lỗ lũy kế lớn hơn 15% giá trị của Vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu.

Các biện pháp triển khai khắc phục được xây dựng dựa trên quy định tại Khoản 3 Điều 143 Luật TCTD 2024. Cụ thể như sau:

1. Tăng vốn điều lệ, điều chỉnh tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông khi vượt quá giới hạn tỷ lệ sở hữu: Để đảm bảo đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật và tăng cường năng lực tài chính cho Ngân hàng, Vietbank xây dựng các giải pháp tăng vốn điều lệ và điều chỉnh cơ cấu sở hữu cổ phần như sau:
2. Tăng vốn điều lệ thông qua các hình thức:
 - Bổ sung vốn điều lệ từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và các quỹ dự trữ (nếu có) theo quy định pháp luật và nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.
 - Phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua và theo quy định của pháp luật.
 - Phát hành trái phiếu chuyển đổi, nợ thứ cấp để tăng quy mô vốn chủ sở hữu.
 - Hạn chế hoặc tạm hoãn việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt trong giai đoạn thực hiện phương án khắc phục nhằm giữ lại nguồn vốn phục vụ tăng cường năng lực tài chính.

II. Nhóm biện pháp nhằm cải thiện khả năng thanh khoản:

Với mục tiêu đảm bảo khả năng chi trả và duy trì hoạt động ổn định trong các tình huống bất lợi, Vietbank triển khai các giải pháp tăng cường thanh khoản và nâng cao chất lượng tài sản thanh khoản như sau:

1. Tăng tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm: Bán/Repo Tín phiếu, Trái phiếu, chứng khoán thanh khoản, thu tiền từ các khoản cho vay liên ngân hàng đến hạn, đàm phán với ngân hàng đối tác yêu cầu trả nợ sớm. Thu hồi tối đa các khoản tín dụng đến hạn; dừng/ hoàn cho vay và giải ngân mới.

2. Giải pháp xử lý tài sản và cơ cấu lại danh mục đầu tư: Rà soát, bán các khoản cho vay (bán nợ) nhằm bổ sung nguồn thanh khoản khi cần thiết. Ưu tiên xử lý, thu hồi các tài sản có tính thanh khoản thấp, đảm bảo cân đối thanh khoản tổng thể của ngân hàng.
3. Tăng cường thu hút tiền gửi: Ban giám đốc TTKD chủ động triển khai đến tất cả nhân viên đơn vị chủ động kết nối, trấn an tất cả khách hàng gửi tiền về tình hình của Ngân hàng. Theo dõi dòng tiền gửi, rút của khách hàng và có chính sách điều chỉnh lãi suất phù hợp nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh và giữ chân khách hàng. Vietbank chủ động triển khai các chương trình, sản phẩm ưu đãi nhằm gắn kết khách hàng, có chính sách chăm sóc định kỳ nhằm gia tăng kết nối, tạo niềm tin cho khách hàng. Chủ động truyền thông về an toàn hệ thống, kết quả hoạt động và định hướng phát triển ổn định nhằm củng cố niềm tin khách hàng.
4. Phối hợp với NHNN và các tổ chức liên quan: Chủ động làm việc với NHNN để triển khai các biện pháp hỗ trợ thanh khoản, đảm bảo thanh toán ngay trong ngày. Vay tái cấp vốn, tái chiết khấu trong trường hợp thật sự cần thiết theo quy định.
5. Triển khai các giải pháp theo Kế hoạch dự phòng thanh khoản, tăng cường huy động vốn dài hạn với chi phí hợp lý và cải thiện quản lý dòng tiền để duy trì ổn định tài chính và đáp ứng yêu cầu bảo vệ an toàn hoạt động ngân hàng.

III. Nhóm biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh:

1. Tiết giảm chi phí huy động vốn thông qua giải pháp phát triển số lượng khách hàng để tăng tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản với chi phí vốn thấp.
2. Phân khúc khách hàng và triển khai cho vay theo định hướng của Vietbank trong từng thời kỳ đồng thời gia tăng hiệu quả kinh doanh thông qua tăng số lượng sản phẩm, dịch vụ sử dụng trên một khách hàng tại Vietbank.
3. Triển khai nhiều chương trình, chính sách nhằm thu hút khách hàng cũng như tăng cường nhận diện thương hiệu Vietbank trên thị trường.
4. Rà soát lại cơ cấu chi phí hoạt động, chi phí quản lý nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng, cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh.
5. Tinh giảm đối với các mảng hoạt động kém hiệu quả, ưu tiên nguồn vốn cho các phân khúc, mảng hoạt động có lợi nhuận cao.
6. Đẩy mạnh chuyển đổi số và tự động hóa để giảm chi phí vận hành, tối ưu quy trình xử lý nghiệp vụ.
7. Tăng hiệu suất sử dụng tài sản, nâng cao các chỉ tiêu ROA, ROE, từ đó góp phần củng cố nguồn vốn tự có một cách bền vững.

8. Thực hiện cơ cấu lại danh mục tài sản có trọng số rủi ro cao (RWA), ưu tiên giảm các tài sản có hệ số rủi ro lớn nhằm cải thiện hệ số an toàn vốn (CAR).
9. Xem xét bản hoặc thu hẹp đầu tư vào các tài sản không hiệu quả hoặc không thiết yếu để gia tăng vốn cấp 1 và giảm áp lực vốn theo quy định của NHNN.

IV. Nhóm biện pháp tăng cường quản trị rủi ro; nâng cao năng lực quản trị, điều hành:**1. Nhóm biện pháp tăng cường quản trị rủi ro:**

- Tiếp tục xây dựng hệ thống quản lý rủi ro chặt chẽ với sự tham gia của cả ba tuyến bảo vệ; triển khai các biện pháp tập trung đối với việc quản lý các nhóm rủi ro chính như rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động;
- Thực hiện kế hoạch ứng phó với tình huống khẩn cấp và triển khai các biện pháp kiểm soát chặt chẽ; xây dựng và duy trì kế hoạch hoạt động liên tục.
- Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng rủi ro sẽ tăng cường tần suất các cuộc họp khẩn cấp, đảm bảo cập nhật thông tin tài chính và rủi ro đầy đủ, kịp thời tham mưu cho HĐQT và TGD để đưa ra quyết định chính xác.

2. Nhóm biện pháp nâng cao năng lực quản trị điều hành:

- Đối với HĐQT và các Ủy ban trực thuộc HĐQT: HĐQT cần tăng cường giám sát và ra quyết định kịp thời đối với các vấn đề tài chính và rủi ro nghiêm trọng. Các Ủy ban trực thuộc cần chủ động phân tích tình hình, đề xuất các biện pháp khắc phục và hỗ trợ HĐQT trong việc đưa ra chiến lược phục hồi. Tăng cường phối hợp với các cơ quan quản lý để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp lý và đưa ra các phương án hợp lý để khôi phục tình hình ngân hàng.
- Đối với Ban Kiểm soát giám sát việc tuân thủ các quy định, giám sát việc thực hiện Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm được ĐHĐCĐ thông qua, chỉ đạo hoạt động kiểm toán nội bộ rà soát các hoạt động theo Phương án khắc phục trong trường hợp được can thiệp sớm.
- Đối với Ban Điều hành và các Hội đồng trực thuộc TGD: cần nhanh chóng triển khai các biện pháp cải thiện tình hình tài chính và quản lý rủi ro, phối hợp với các bộ phận liên quan để thực hiện Phương án khắc phục đã được thông qua. Các Hội đồng trực thuộc cần giám sát chặt chẽ hoạt động triển khai các biện pháp chỉnh sửa, bảo đảm rằng mọi quyết định và hành động được thực hiện đúng quy trình và nhanh chóng, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến hoạt động của Vietbank.

V. Nhóm biện pháp xử lý các tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản đảm bảo và các biện pháp khắc phục vi phạm pháp luật.

Đây là văn bản nội bộ, là tài sản của Vietbank. Mọi hành vi sao chép nếu không được cho phép là vi phạm quy định bảo mật và bản quyền của Vietbank.



Tại 31/12/2024, tỷ lệ nợ xấu theo thông tư 31/2024/TT-NHNN của Vietbank ở mức 1,86%. Trong đó, Vietbank không phát sinh nợ xấu bán VAMC chưa xử lý. Vietbank luôn kiểm soát tỷ lệ này ở mức lành mạnh (dưới 3%) theo mục tiêu đề ra tại Đề án cơ cấu lại gần với xử lý nợ xấu 2021 – 2025.

Trong bối cảnh bình thường nói chung hoặc trường hợp Vietbank có quyết định can thiệp sớm từ NHNN nói riêng, Vietbank luôn xác định việc nâng cao chất lượng tín dụng, tăng cường xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm là yêu cầu thiết yếu và cần được tập trung nguồn lực thực hiện một cách hiệu quả để đảm bảo hoạt động an toàn ngân hàng. Việc này được thể hiện qua:

- **Thứ nhất**, Vietbank tiếp tục thực hiện các biện pháp để theo dõi, cải thiện chất lượng tín dụng, ưu tiên các biện pháp từ trong nội tại để quản lý, kiểm soát tốt khoản vay như:
 - Rà soát, điều chỉnh (nếu cần thiết) các chương trình cấp tín dụng, sản phẩm tín dụng để phù hợp với chiến lược, tập khách hàng mục tiêu của ngân hàng
 - Tăng cường công tác theo dõi, nhận diện các khoản cấp tín dụng có vấn đề nhằm kiểm soát chất lượng tín dụng, kịp thời triển khai các giải pháp xử lý đối với các khoản cấp tín dụng có nguy cơ suy giảm chất lượng, hạn chế rủi ro phát sinh.
 - Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát sau giải ngân đối với khách hàng (về mục đích sử dụng vốn vay, tiến độ thực hiện phương án vay; tình hình hoạt động kinh doanh, năng lực tài chính, nguồn trả nợ của khách hàng; hiện trạng tài sản bảo đảm, tiến độ hình thành tài sản bảo đảm; tình hình thực hiện các cam kết, điều kiện phê duyệt của khách hàng,...) để phòng ngừa các rủi ro ảnh hưởng đến khả năng thu nợ của Vietbank.
 - Tăng cường việc định giá định kỳ, đột xuất tài sản đảm bảo, cũng như kiểm tra hiện trạng tài sản đảm bảo để có các biện pháp phù hợp khi tài sản giảm giá trị (yêu cầu khách hàng giảm bớt nghĩa vụ nợ và/hoặc bổ sung thêm tài sản đảm bảo)
 - Giám sát, đánh giá dư nợ của khách hàng lớn trên danh mục dư nợ của Vietbank nhằm phân tán mức độ rủi ro tập trung của các khách hàng này, đồng thời kết hợp với việc đẩy mạnh phát triển sản phẩm đáp ứng các phân khúc khách hàng bán lẻ, SMEs nhằm đa dạng hóa danh mục dư nợ.
 - Tăng cường công tác truyền thông nội bộ nhằm nâng cao hiểu biết, thống nhất của các cá nhân, bộ phận có liên quan trong TCTD về các giải pháp xử lý nợ xấu theo quy định Luật các TCTD 2024.
- **Thứ hai**, Vietbank tổ chức thực hiện rà soát, chấn chỉnh lại công tác quản trị thu hồi nợ để đảm bảo công tác thu hồi nợ được thực hiện một cách tối ưu nhất, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật thông qua các giải pháp:

- Rà soát, thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ về xử lý nợ xấu theo chỉ đạo của NHNN, đồng thời áp dụng toàn diện các biện pháp, chính sách quy định tại Luật các TCTD 2024 và quy định pháp luật có liên quan trong quá trình xử lý thu hồi nợ xấu nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng hoạt động.
 - Rà soát, điều chỉnh (nếu cần) các quy trình thu hồi nợ để đảm bảo tối ưu công tác thu hồi nợ.
 - Đánh giá chất lượng và khả năng thu hồi của các khoản nợ để có biện pháp xử lý thích hợp; thực hiện trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu theo đúng quy định pháp luật; Bổ sung, hoàn thiện hồ sơ pháp lý tài sản bảo đảm (TSBĐ); Thu nợ và xử lý tài sản bảo đảm.
 - Tiếp tục chủ động phối hợp tích cực với chính quyền địa phương và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đặc biệt là cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, cơ quan Thi hành án các cấp trong quá trình xử lý TSBĐ để thu hồi nợ, nhằm bảo đảm thu hồi tối đa giá trị các khoản nợ, hạn chế thiệt hại cho các TCTD.
- Vietbank đánh giá với các nhóm giải pháp trên, Ngân hàng đã, đang và sẽ tiếp tục kiểm soát nợ xấu phát sinh, tăng hiệu quả thu hồi nợ, xử lý TSBĐ đảm bảo hoạt động an toàn và hiệu quả, là một trong những biện pháp hữu hiệu khắc phục trường hợp NHNN thực hiện can thiệp sớm.
 - Đối với các vấn đề về các biện pháp khắc phục vi phạm pháp luật, Vietbank thực hiện khắc phục các trường hợp vi phạm pháp luật tuân thủ theo quy định pháp pháp luật và các quy định nội bộ của ngân hàng.

VI. Biện pháp truyền thông, công nghệ thông tin để khắc phục khó khăn về thanh khoản:

1. Truyền thông:

- Lập kế hoạch, có các phương án ứng phó với khủng hoảng thông tin truyền thông (nếu có)
- Trong trường hợp xảy ra vụ việc, TT MKT liên lạc và làm việc chặt chẽ với các cơ quan thông tấn, báo chí và Các Sở, Ban, Ngành để hạn chế thông tin nhạy cảm và theo đúng định hướng truyền thông từ NHNNVN.
- Truyền thông nội bộ cho cán bộ nhân viên về thông điệp khi giao tiếp với khách hàng đảm bảo tính nhất quán thông tin truyền thông từ Vietbank.
- Chủ động truyền thông trên các kênh nhằm đảm bảo thông điệp, các phương án giải quyết xử lý được truyền tải kịp thời, chính xác tới tất cả các bên liên quan (nhân viên, khách hàng, đối tác, nhà đầu tư, cổ đông).
- Tăng cường rà soát các kênh truyền thông, mạng xã hội, các phương tiện truyền thông đại chúng, nhằm phát hiện sớm thông tin sai lệch, tin đồn thất thiệt; chủ động phối hợp với cơ quan truyền thông, pháp lý để xử lý và đính chính thông tin kịp thời.

- Chủ động triển khai các thông tin tích cực để định hướng dư luận và tăng cường niềm tin cho khách hàng, công chúng.

2. Công tác công nghệ thông tin:

- Hạ tầng công nghệ và dữ liệu:
 - Nâng cấp hệ thống Corebanking nhằm đảm bảo cung cấp dữ liệu theo thời gian thực cho hệ thống thanh khoản.
 - Nâng cấp hạ tầng phần cứng và hệ thống lưu trữ.
 - Xây dựng hệ thống Data Warehouse, Data Lake nhằm hợp nhất dữ liệu để phục vụ phân tích Liquidity Coverage Ratio (LCR), Net Stable Funding Ratio (NSFR).
 - Tại trung tâm dữ liệu chính (Data Center): tăng cường mức độ sẵn sàng (HA) của các hệ thống trọng yếu phục vụ điều hành dòng tiền.
 - Đảm bảo dữ liệu được đồng bộ giữa Trung tâm dữ liệu chính và trung tâm dữ liệu dự phòng.
- Hệ thống phần mềm chuyên dụng:
 - Đầu tư phần mềm Liquidity Management System (LMS) để tự động thu thập, giám sát và điều phối thanh khoản.
 - Cải tiến báo cáo chỉ số LCR, NSFR.
- Nền tảng phân tích và cảnh báo sớm:
 - Tích hợp AI/ML vào phân tích dòng tiền để dự báo nhu cầu thanh khoản và hành vi rút tiền bất thường.
 - Xây dựng Dashboard điều hành thanh khoản nhằm cung cấp thông tin tức thời cho lãnh đạo ra quyết định.

VII. Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trong thời gian 06 tháng liên tục

- Thực hiện các phương án tăng vốn tự có
 - Ưu tiên áp dụng các giải pháp tăng tăng vốn tự có cấp 1 gồm các giải pháp tăng vốn điều và giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh, như trình bày tại mục 1 phần này.
 - Phát hành các công cụ nợ dài hạn đủ tiêu chuẩn ghi nhận vào vốn cấp 2 để góp phần nâng đỡ vốn tự có.
- Kiểm soát tổng tài sản có rủi ro (RWA)
 - Tái cấu trúc danh mục tín dụng, danh mục đầu tư: Đánh giá lại danh mục cho vay, các khoản đầu tư để xác định các khoản nợ có hệ số rủi ro cao, từ đó điều chỉnh chính sách tín dụng chuyển hướng sang các khoản vay an toàn hơn như vay ưu tiên sản xuất – kinh doanh.

- Thắt chặt điều kiện cho vay, áp dụng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt hơn trong việc phê duyệt tín dụng, đặc biệt đối với các lĩnh vực có mức độ rủi ro cao như bất động sản, khách hàng có hệ số rủi ro cao.
- Thu hồi hoặc bán bớt các khoản vay hay chứng khoán hay các khoản phải đòi khác trong danh mục nếu chúng có hệ số rủi ro cao.
- Kiểm soát trạng thái ngoại hối nhằm giảm mức vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối.

CHƯƠNG IV.

LỘ TRÌNH, THỜI HẠN THỰC HIỆN TỪNG BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

Căn cứ vào nguyên nhân dẫn đến can thiệp sớm, thực trạng hoạt động và tình hình tài chính tại thời điểm được can thiệp sớm, Vietbank sẽ tận dụng tối đa mọi nguồn lực, áp dụng linh hoạt các biện pháp đảm bảo khắc phục triệt để tình trạng dẫn đến can thiệp sớm trong thời gian sớm nhất.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



DƯƠNG NHẤT NGUYÊN

